

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 01-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

Ông Đỗ Văn Hòa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 tháng 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Bùi Lê Hải B**, sinh năm 1990

Địa chỉ: số nhà 160, đường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Lê Hải B trình bày:

Vào tháng 5 năm 2022 vì không vay vốn được Ngân hàng để kinh doanh nên bà Nguyễn Thị Bích L đã đề nghị tôi cho vay tiền. Vào lần lượt các ngày 07/5/2022 và ngày 24/5/2022, bà L đã đến nhà tôi để ký 02 (hai) hợp đồng vay tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 07/5/2022: vay 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng với thời hạn 05 (năm) tháng kể từ ngày 07/5/2022 đến 07/10/2022 và cam kết sẽ chịu phạt gấp 2 lần số tiền gốc đã mượn tương đương 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nếu không thanh toán đúng hạn.

+ Ngày 24/5/2022: vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng với thời hạn 05 (năm) tháng kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/10/2022 và cam kết sẽ chịu phạt gấp 2 lần số tiền gốc đã mượn tương đương 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nếu không thanh toán đúng hạn.

Tới thời hạn trả tiền ngày 07/10/2022 và ngày 24/10/2022 bà L vẫn không thanh toán số tiền nêu trên cho tôi. Tôi đã nhiều lần đến nhà nhắc nhở đòi lại số tiền đã vay nhưng bà L chỉ hứa hẹn và tới nay không chịu trả theo cam kết. Sau đó, bà L đã nhiều lần không nghe máy, tránh mặt tôi mặc dù tôi đã gọi điện cũng như đến nhà gặp trực tiếp.

Ông Bùi Lê Hải B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L thanh toán cho tôi số tiền: 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu) đồng gồm: tiền gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền phạt như đã thỏa thuận tại giấy mượn tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

2- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L chịu toàn bộ án phí như đã thỏa thuận tại Giấy mượn tiền.

Tại phiên họp ngày 16/01/2024, nguyên đơn Bùi Lê Hải B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận giải quyết:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho ông B số tiền gốc đã mượn là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 20%/năm kể từ ngày vi phạm tạm tính từ ngày 25/10/2022 đến tháng 12/2023 là 250.000.000 đồng x 14 tháng x 20%/năm = 58.333.000 đồng.

- Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: thông báo về việc thụ lý, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/12/2023, 16/01/2024 và triệu tập phiên tòa vào các ngày 02/02/2024, ngày 01/3/2024 nhưng bà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công an phường Xuân An xác minh bà L có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tòa án đến nhà bà L tại số 294 đường N, khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để tổng đạt và ghi lời khai nhưng bà L từ chối tiếp và không trả lời nên không ghi được ý kiến của bà L.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn Bùi Lê Hải B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận giải quyết: buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho ông B tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày vi phạm tạm tính từ ngày 25/10/2022 đến ngày mở phiên tòa 01/3/2024 là 250.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 04 tháng 07 ngày = 33.819.444 đồng.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L: vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho ông Bùi Lê Hải B số tiền nợ gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (25/10/2022) đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Bùi Lê Hải B khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L vắng mặt, xét thấy bị đơn đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo về việc thụ lý, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa đến lần thứ hai vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà L vắng mặt không có lý do cũng như không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bà L về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các Giấy mượn tiền ngày 07/5/2022 và 24/5/2022, đồng thời cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh

toán khoản nợ trên cho ông B . Như vậy bà đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ nội dung 02 Giấy mượn tiền ngày 07/5/2022, số tiền mượn 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; Giấy mượn tiền ngày 24/5/2022, số tiền mượn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thể hiện chữ ký và chữ viết họ tên của bà Nguyễn Thị Bích L ở phần người mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự, với tổng số tiền vay 02 lần là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Xét hình thức và nội dung của các Giấy mượn tiền xuất phát từ sự tự nguyện, do các bên tự thỏa thuận, ký kết với nhau, nội dung thỏa thuận về việc vay tiền, số tiền vay, thời hạn trả nợ không trái quy định của pháp luật nên các Giấy mượn tiền ngày 07/5/2022 và ngày 24/5/2022 có giá trị pháp lý và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo thỏa thuận bà L phải trả lại cho ông B số tiền mượn sau 05 tháng kể từ ngày viết Giấy mượn tiền nhưng đến nay bà đã không thực hiện, việc vi phạm nghĩa vụ của bà L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B . Do đó việc ông B yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng là có cơ sở, căn cứ Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B , buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2023 ông B yêu cầu bà L phải trả số tiền phạt vi phạm gấp 2 lần số tiền gốc đã mượn, được tính là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng tiền phạt như hai bên đã thỏa thuận theo 02 Giấy mượn tiền ngày 07/5/2022 và ngày 24/5/2022. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi, yêu cầu bà L trả tiền lãi cho ông B với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể nguyên đơn xác định ngày vi phạm nghĩa vụ của cả 02 Giấy mượn tiền là ngày 25/10/2022 đến ngày tuyên án sơ thẩm 01/3/2024 là 01 năm 04 tháng 07 ngày. Như vậy, số tiền lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn được tính như sau: $250.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times (01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày}) = 33.819.444$ (ba mươi ba triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Đối chiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 250.000.000 đồng + 33.819.444 đồng = 283.819.444 (hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% theo quy định đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn 283.819.444 (hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng, tương đương án phí là 14.190.972 (mười bốn triệu, một trăm chín mươi ngàn, chín trăm bảy mươi hai) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Điều 357, 429, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Lê Hải B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho ông Bùi Lê Hải B số tiền 283.819.444 (hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng; trong đó: nợ gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 33.819.444 (ba mươi ba triệu, tám trăm mười chín ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 02/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích L phải nộp 14.190.972 (mười bốn triệu, một trăm chín mươi ngàn, chín trăm bảy mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Bùi Lê Hải B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Lê Hải B số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018882 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ